



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thông tin về Tập đoàn

Quyết định Thành lập số 974/QĐ-TTg

ngày 25 tháng 6 năm 2010

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0100100008

ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 17 tháng 9 năm 2025. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Tài chính (trước đây là Sở Kế hoạch và Đầu tư) Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Tiến Trường
Ông Trần Quang Nghị
Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Xuân Đông
Bà Lê Ngọc Diệp
Ông Đặng Vũ Hùng
Ông Vũ Hồng Tuấn

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (đến ngày 30/6/2026)
Thành viên (đến ngày 30/6/2026)

Cơ quan Tổng Giám đốc

Ông Cao Hữu Hiếu
Ông Nguyễn Song Hải
Ông Phạm Văn Tân
Ông Lê Mạc Thuần
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Phạm Xuân Trình
Ông Nguyễn Hùng Quý
Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Thu Hằng
Bà Đoàn Thị Thu Hương
Bà Đặng Thị Hồng Lê
Bà Nguyễn Thanh Lê
Bà Bùi Việt Phương

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Trụ sở đăng ký

25 Phố Bà Triệu, Phường Cửa Nam
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 83 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Cao Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026



Công ty TNHH KPMG
Tầng 46, Keangnam Landmark 72,
Đường Phạm Hùng, Phường Yên Hòa,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con ("Tập đoàn"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 5 đến trang 83.

Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Ngoại trừ giới hạn phạm vi soát xét được đề cập trong phần Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ

Đầu tư vào các công ty liên kết và phần lãi trong công ty liên kết

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Coats Phong Phú ("Coats Phong Phú"), một công ty liên kết của Tập đoàn, theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 445.437 triệu VND (1/1/2026: 885.980 triệu VND). Phần lãi từ Coats Phong Phú được Tập đoàn Dệt May Việt Nam ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 172.654 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: lãi 190.455 triệu VND).

Do Coats Phong Phú không thuộc đối tượng phải lập và soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ, chúng tôi không được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Coats Phong Phú cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025. Chúng tôi cũng không thể trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này. Vì vậy, chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết đối với khoản đầu tư vào Coats Phong Phú tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như đối với phần lãi trong Coats Phong Phú mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã ghi nhận cho các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Do đó, chúng tôi không thể xác định được các điều chỉnh có thể là cần thiết đối với các số liệu này nếu chúng tôi được tiếp cận với các sổ sách và tài liệu kế toán của Coats Phong Phú cũng như trao đổi thông tin với đơn vị kiểm toán của công ty liên kết này để thực hiện các thủ tục soát xét cần thiết.

Kết luận soát xét ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng tiềm tàng của vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở của kết luận soát xét ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khác khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-02-00211-26-2



Trương Vĩnh Phúc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2023-007-1

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC

ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		10.796.208.354.045	10.762.325.239.932
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	10	434.959.444.604	961.365.429.717
Tiền	111		373.516.726.796	363.672.479.048
Các khoản tương đương tiền	112		61.442.717.808	597.692.950.669
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.957.193.396.123	3.226.248.415.123
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	11(a)	3.957.193.396.123	3.226.248.415.123
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.839.127.990.437	2.759.300.388.746
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	12	2.511.885.473.770	2.556.697.231.237
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		272.113.031.224	171.733.691.151
Phải thu ngắn hạn khác	135	13(a)	386.812.317.718	370.131.380.049
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	14	(331.683.710.661)	(339.262.792.077)
Tài sản thiếu chờ xử lý	137		878.386	878.386
Hàng tồn kho	140	15	3.184.629.587.611	3.447.123.542.825
Hàng tồn kho	141		3.265.859.417.892	3.540.504.527.610
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(81.229.830.281)	(93.380.984.785)
Tài sản ngắn hạn khác	160		380.297.935.270	368.287.463.521
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	21(a)	44.683.923.360	37.191.553.444
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		323.444.532.643	293.587.227.847
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	163	24(a)	12.137.479.267	16.367.597.965
Tài sản ngắn hạn khác	165		32.000.000	21.141.084.265

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260 + 270)	200		9.729.238.557.771	9.792.566.929.464
Các khoản phải thu dài hạn	210		37.309.806.316	34.238.329.210
Phải thu dài hạn khác	215	13(b)	143.419.731.112	140.348.254.006
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	14	(106.109.924.796)	(106.109.924.796)
Tài sản cố định	220		5.013.921.859.817	5.016.137.323.254
Tài sản cố định hữu hình	221	16	4.834.954.099.773	4.850.433.307.217
Nguyên giá	222		14.565.466.049.256	14.270.660.551.890
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.730.511.949.483)	(9.420.227.244.673)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	17	140.529.194.920	128.350.063.497
Nguyên giá	225		178.342.298.286	158.927.375.784
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(37.813.103.366)	(30.577.312.287)
Tài sản cố định vô hình	227	18	38.438.565.124	37.353.952.540
Nguyên giá	228		74.130.749.603	72.510.269.389
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(35.692.184.479)	(35.156.316.849)
Bất động sản đầu tư	240	19	472.327.707.068	481.867.806.986
Nguyên giá	241		605.392.478.669	605.392.478.669
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(133.064.771.601)	(123.524.671.683)
Tài sản dở dang dài hạn	250		527.708.144.832	579.150.550.753
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	20	527.708.144.832	579.150.550.753
Đầu tư tài chính dài hạn	260		3.317.889.722.575	3.337.443.647.688
Đầu tư vào các công ty liên kết	262	11(b)	2.864.898.522.081	3.066.606.488.126
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	11(b)	187.336.763.353	181.058.006.353
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	11(b)	(34.484.330.071)	(30.809.946.725)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	11(a)	422.021.316.548	242.859.749.270
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266	11(a)	(121.882.549.336)	(122.270.649.336)
Tài sản dài hạn khác	270		360.081.317.163	343.729.271.573
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	21(b)	348.467.530.799	330.879.527.521
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	22	11.032.427.431	12.268.385.119
Tài sản dài hạn khác	274		581.358.933	581.358.933
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		20.525.446.911.816	20.554.892.169.396

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		9.927.273.612.743	10.549.212.802.722
Nợ ngắn hạn	310		7.505.053.954.134	8.042.839.939.282
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	1.105.197.775.559	1.036.483.036.722
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		59.304.651.939	67.663.090.385
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313		8.404.412.470	207.462.532.357
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	314	24(b)	91.035.888.531	78.661.233.166
Phải trả người lao động	315		927.345.622.659	965.673.321.201
Chi phí phải trả ngắn hạn	316	25(a)	71.359.201.140	66.549.145.398
Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	26	26.020.393.275	29.444.897.537
Phải trả ngắn hạn khác	320	27(a)	435.969.367.168	408.406.103.972
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	28(a)	4.430.121.299.791	4.901.697.629.283
Dự phòng phải trả ngắn hạn	322	29	62.473.188.366	62.473.188.366
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	30	287.822.153.236	218.325.760.895
Nợ dài hạn	330		2.422.219.658.609	2.506.372.863.440
Chi phí phải trả dài hạn	334	25(b)	8.367.287.040	8.832.136.320
Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337	26	316.892.238.912	322.721.273.491
Phải trả dài hạn khác	338	27(b)	85.149.025.253	84.160.829.212
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	28(b)	1.819.319.245.468	1.877.164.059.821
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342	22	156.491.861.936	177.494.564.596
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		36.000.000.000	36.000.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND Đã phân loại lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	31	10.598.173.299.073	10.005.679.366.674
Vốn cổ phần	411	32	5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	5.000.000.000.000
Thặng dư vốn	412		30.361.932.352	30.361.932.352
Vốn khác của chủ sở hữu	414	34	714.567.901.069	696.173.883.127
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(747.830.122.185)	(747.830.122.185)
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	1.103.248.136.605	988.988.121.869
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.758.501.131.539	1.426.980.171.237
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	420a		1.196.718.696.613	575.326.938.000
- LNST kỳ này/năm nay	420b		561.782.434.926	851.653.233.237
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.739.324.319.693	2.611.005.380.274
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		20.525.446.911.816	20.554.892.169.396

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026**

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	37	9.510.453.403.006	8.706.900.453.382
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	37	9.434.046.159	10.349.297.701
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	37	9.501.019.356.847	8.696.551.155.681
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	38	8.123.858.147.492	7.516.624.972.423
Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.377.161.209.355	1.179.926.183.258
Doanh thu hoạt động tài chính	22	39	192.389.492.854	188.833.333.349
Chi phí tài chính	23	40	203.449.986.999	251.347.139.806
Trong đó: Chi phí đi vay	24		171.567.552.374	163.158.208.280
Chi phí bán hàng	25	41	259.564.696.699	243.958.875.729
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	42	493.983.274.620	477.029.893.265
Phần lãi trong công ty liên kết	27		291.841.439.740	258.742.690.524
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26) + 27}	30		904.394.183.631	655.166.298.331
Thu nhập khác	31	43	57.770.322.679	25.805.713.943
Chi phí khác	32	44	29.442.230.633	13.996.032.781
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		28.328.092.046	11.809.681.162
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		932.722.275.677	666.975.979.493
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	46	85.116.564.018	72.774.765.483
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	46	(19.766.744.972)	10.098.513.744
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		867.372.456.631	584.102.700.266

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		867.372.456.631	584.102.700.266
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		561.782.434.926	352.921.389.036
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		305.590.021.705	231.181.311.230
Lãi trên cổ phiếu		47		
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.105	696
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		997	628

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		932.722.275.677	666.975.979.493
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		406.684.951.473	398.670.022.703
Các khoản dự phòng	03		(16.443.952.574)	(14.091.821.372)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.232.751.805)	53.093.738.989
Lãi từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(437.618.515.048)	(343.373.304.994)
Chi phí đi vay	06		171.567.552.374	163.158.208.280
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.051.679.560.097	924.432.823.099
Tăng các khoản phải thu	09		(76.208.370.452)	(313.316.507.766)
Giảm, (tăng) hàng tồn kho	10		274.645.109.718	(214.766.498.966)
(Giảm), tăng các khoản phải trả	11		36.033.971.548	(101.197.641.188)
Tăng chi phí chờ phân bổ	12		(24.451.177.883)	(35.799.798.437)
			1.261.699.093.028	259.352.376.742
Chi phí đi vay đã trả	14		(172.764.781.136)	(161.346.971.048)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(73.086.894.581)	(47.459.328.169)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		247.555.600	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(64.314.388.164)	(12.653.018.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		951.780.584.747	37.893.059.438

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(334.925.065.699)	(275.245.089.169)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		11.156.783.415	4.254.515.881
Tiền chi cho vay, gửi tiền gửi có kỳ hạn và mua trái phiếu	23		(2.645.460.039.605)	(1.141.629.781.049)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.753.150.570.649	955.982.147.925
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		-	(2.116.870.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		427.986.701.049	332.491.973.443
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(788.091.050.191)	(126.263.102.969)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31		68.110.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		6.449.582.129.040	8.172.425.763.982
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.965.823.228.991)	(7.835.783.552.574)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(242.494.083.887)	(154.541.687.805)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(690.625.183.838)	182.100.523.603

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(526.935.649.282)	93.730.480.072
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	10	961.365.429.717	1.004.605.536.998
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		529.664.169	3.400.220.763
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	10	434.959.444.604	1.101.736.237.833

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Tập đoàn”) được thành lập dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC-TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn đầu tư trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn này, cụ thể như sau:

1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, giày tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải; vật liệu điện, điện tử; phần mềm và thiết bị tin học; cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
 - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
 - Dịch vụ thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
 - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
 - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
 - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
 - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc của Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết (1/1/2026: 33 công ty con cấp 1, công ty con cấp 2 và công ty con cấp 3 và 29 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 như sau:

Loại công ty	Số lượng đơn vị		Tham chiếu
	30/6/2026	1/1/2026	
• Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13	13	Phụ lục 1
• Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	15	15	Phụ lục 2
• Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	5	5	Phụ lục 3
	33	33	
• Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	29	29	Phụ lục 4

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có 23.912 nhân viên (1/1/2026: 24.219 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Kỳ kế toán sáu tháng từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Ngày 20 tháng 4 năm 2026, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 43/2026/TT-BTC (“Thông tư 43”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 43 có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 và Thông tư 43 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Tập đoàn và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(d)(i));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(e)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh 4(m)).

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Ngoại trừ các thay đổi do áp dụng Thông tư 99 và Thông tư 43 được trình bày tại Thuyết minh 3, các chính sách kế toán chủ yếu được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu Tập đoàn tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ thì chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là giao dịch vốn chủ sở hữu.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác trong báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc ghi nhận theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp này, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong đơn vị nhận đầu tư phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của đơn vị nhận đầu tư mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Lợi thế thương mại phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào báo cáo tình hình tài chính hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn hoặc các công ty con mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác”.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2026

Lãi phải thu từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn và trái phiếu được bao gồm trong khoản mục “Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn”.

Do sự thay đổi trong chính sách kế toán, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của kỳ hiện tại như đã nêu tại Thuyết minh 49.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn trước cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ được ghi nhận theo giá trị được xác định lại tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c, Khoản 1, Điều 33, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần (“Nghị định 59”) và Khoản 5, Khoản 6, Điều 1, Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59, cụ thể như sau:

- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào công ty cổ phần đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán tại thời điểm gần nhất với thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần.
- Giá trị các khoản đầu tư tài chính vào (i) cổ phiếu của công ty cổ phần đã niêm yết trên thị trường UPCoM mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm định giá; (ii) cổ phiếu của công ty cổ phần chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán và (iii) các doanh nghiệp khác được xác định trên cơ sở:
 - Tỷ lệ vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam trên vốn điều lệ, vốn cổ phần hoặc tổng số vốn thực góp tại đơn vị nhận đầu tư.
 - Giá trị vốn chủ sở hữu tại đơn vị nhận đầu tư được xác định theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán. Trường hợp chưa kiểm toán thì căn cứ vào giá trị vốn chủ sở hữu theo báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của đơn vị đó để xác định.
 - Trường hợp giá trị khoản đầu tư tài chính khi xác định lại có giá trị thấp hơn giá trị ghi trên sổ sách kế toán thì được xác định theo giá trị thực tế xác định lại.

Giá trị đánh giá lại như hướng dẫn ở trên được xem là giá gốc ban đầu của các khoản đầu tư khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Trong trường hợp Tập đoàn Dệt May Việt Nam nhận được cổ tức hoặc lợi nhuận được chia tương ứng với phần tăng thêm do định giá lại khoản đầu tư trong quá trình cổ phần hóa, giá trị khoản đầu tư sẽ được giảm tương ứng với phần cổ tức hoặc lợi nhuận được chia này (Thuyết minh 4(q)(viii)).

(iii) Đầu tư vào các đơn vị khác của công ty mẹ Tập đoàn phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa

Cho mục đích của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào các đơn vị khác phát sinh trong giai đoạn sau cổ phần hóa của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(iv) Đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con

Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác của các công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng tổn thất đầu tư.

(v) Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Dự phòng tổn thất đầu tư vào các đơn vị khác được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn Dệt May Việt Nam có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng tổn thất đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Hàng tồn kho được sản xuất và để bán

Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Bất động sản xây dựng để bán trong tương lai

Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm chi phí đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

Đất thuê đang phát triển để cho thuê lại trong tương lai

Giá gốc bao gồm tiền thuê đất và các chi phí phát triển liên quan khác như chi phí phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị và chi phí cho các khu vực chung.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 51 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 25 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 30 năm
▪ tài sản khác	2 – 25 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 10 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao do có thời hạn không xác định. Bất động sản đầu tư cho thuê là nhà cửa được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Tập đoàn. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ hạ tầng khu công nghiệp	3 – 45 năm
▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ quyền sử dụng đất	32 – 40 năm

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(k) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất trong vòng từ 10 đến 50 năm.

(ii) Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước

Chi phí thuê văn phòng và nhà xưởng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

(iii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iv) Chi phí sửa chữa, cải tạo

Chi phí sửa chữa, cải tạo bao gồm các chi phí phát sinh cho việc sửa chữa những hư hỏng trong thời gian sử dụng tài sản và cải tạo văn phòng. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(v) Chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(m) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng cổ đông của Tập đoàn thông qua việc phân phối cổ tức cho cổ đông và nghĩa vụ chi trả của Tập đoàn trở nên vô điều kiện.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(n) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

(ii) Thặng dư vốn

Chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn trong vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Tập đoàn xác định nghĩa vụ thuế thu nhập căn cứ theo các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng nghĩa vụ về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của các cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu, giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê lại đất thuê

Doanh thu cho thuê lại đất thuê được ghi nhận trước một lần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho toàn bộ thời hạn thuê nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Thời hạn thuê lại lớn hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của quyền sử dụng đất;
- Bên thuê không có quyền hủy bỏ hợp đồng thuê đất và bên cho thuê không có nghĩa vụ hoàn trả số tiền nhận trước trong bất cứ trường hợp nào và dưới bất kỳ hình thức nào;
- Số tiền thuê đất nhận trước không nhỏ hơn 90% tổng khoản thanh toán tiền thuê ước tính nhận được theo hợp đồng trong thời hạn thuê đất và bên thuê phải trả toàn bộ khoản thanh toán tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ ngày bắt đầu thuê đất;
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu quyền sử dụng đất được chuyển giao cho bên thuê; và
- Tập đoàn có thể ước tính được một cách đáng tin cậy các chi phí phát sinh liên quan đến hợp đồng thuê đất.

(v) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(vi) Doanh thu cho thuê tài sản khác

Doanh thu cho thuê tài sản khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(vii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(viii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu đã được đăng ký và lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) được ghi nhận vào ngày đăng ký cuối cùng. Thu nhập cổ tức từ các cổ phiếu chưa được đăng ký tại VSDC được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Khoản cổ tức hoặc lợi nhuận được chia đã sử dụng để định giá lại giá trị khoản đầu tư khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hoá và tại thời điểm chuyển đổi sang công ty cổ phần không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính mà ghi giảm giá trị khoản đầu tư tài chính (Thuyết minh 4(d)(ii)).

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, công ty mẹ – Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH, và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Tập đoàn không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Cơ quan Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

7. Các khoản mục bất thường

Tập đoàn không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

8. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Tập đoàn không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

9. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn có các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bông, sợi;
- May;
- Dệt nhuộm; và
- Các hoạt động khác: chủ yếu bao gồm bán và cho thuê bất động sản.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản mục được tính trực tiếp cho từng bộ phận và các khoản mục chung được phân bổ cho mỗi bộ phận trên cơ sở hợp lý. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Giá chuyển giao giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như giao dịch với các bên thứ ba. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Bông, sợi VND	May VND	Dệt nhuộm VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Doanh thu thuần bán ra bên ngoài	4.614.776.540.650	4.410.607.800.570	50.683.651.842	424.951.363.785	-	9.501.019.356.847
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	502.186.285.921	189.191.095.835	-	113.037.614.289	(804.414.996.045)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	5.116.962.826.571	4.599.798.896.405	50.683.651.842	537.988.978.074	(804.414.996.045)	9.501.019.356.847
Kết quả kinh doanh của bộ phận	607.422.979.191	707.343.713.105	6.647.645.155	55.746.871.904	-	1.377.161.209.355
Doanh thu hoạt động tài chính						192.389.492.854
Chi phí tài chính						(203.449.986.999)
Phần lãi trong công ty liên kết						291.841.439.740
Chi phí không phân bổ						(753.547.971.319)
Kết quả hoạt động khác						28.328.092.046
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ						932.722.275.677
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(85.116.564.018)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						19.766.744.972
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						867.372.456.631

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Bông, sợi VND	May VND	Dệt nhuộm VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Doanh thu thuần bán ra bên ngoài	4.112.373.244.194	4.190.416.580.458	38.992.857.966	354.768.473.063	-	8.696.551.155.681
Doanh thu thuần giữa các bộ phận	726.977.373.004	193.186.238.410	-	116.141.164.872	(1.036.304.776.286)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	4.839.350.617.198	4.383.602.818.868	38.992.857.966	470.909.637.935	(1.036.304.776.286)	8.696.551.155.681
Kết quả kinh doanh của bộ phận	384.146.357.604	748.823.245.749	5.579.776.410	41.376.803.495	-	1.179.926.183.258
Doanh thu tài chính						188.833.333.349
Chi phí tài chính						(251.347.139.806)
Phần lãi trong công ty liên kết						258.742.690.524
Chi phí không phân bổ						(720.988.768.994)
Kết quả hoạt động khác						11.809.681.162
Lợi nhuận trước thuế không phân bổ						666.975.979.493
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(72.774.765.483)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại						(10.098.513.744)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						584.102.700.266

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Bông, sợi VND	May VND	Dệt nhuộm VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Tài sản của bộ phận	6.365.596.487.748	5.713.624.361.360	253.167.410.186	1.211.949.432.260	(3.161.686.678.154)	10.382.651.013.400
Tài sản không phân bổ						10.142.795.898.416
Tổng tài sản						20.525.446.911.816
Nợ phải trả của bộ phận	4.503.559.702.287	4.552.959.797.827	147.554.549.838	1.088.168.986.675	(1.576.107.296.644)	8.716.135.739.983
Nợ phải trả không phân bổ						1.211.137.872.760
Tổng nợ phải trả						9.927.273.612.743
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026						
Chi tiêu vốn						334.925.065.699
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						385.561.085.333
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính						7.235.791.079
Khấu hao tài sản cố định vô hình						1.475.387.416
Khấu hao bất động sản đầu tư						9.540.099.918

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

	Bông, sợi VND	May VND	Dệt nhuộm VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2026						
Tài sản của bộ phận	6.467.487.499.275	5.600.829.467.970	167.298.925.717	2.465.487.469.638	(2.950.974.940.617)	11.750.128.421.983
Tài sản không phân bổ						8.804.763.747.413
Tổng tài sản						20.554.892.169.396
Nợ phải trả của bộ phận	3.885.993.448.907	3.301.630.422.030	151.474.100.617	1.132.926.972.576	(1.691.539.728.776)	6.780.485.215.354
Nợ phải trả không phân bổ						3.768.727.587.368
Tổng nợ phải trả						10.549.212.802.722
Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025						
Chi tiêu vốn						275.245.089.169
Khấu hao tài sản cố định hữu hình						379.833.508.492
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuê tài chính						7.605.022.529
Khấu hao tài sản cố định vô hình						2.241.373.677
Khấu hao bất động sản đầu tư						4.963.227.563

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Bộ phận chia theo vùng địa lý được căn cứ vào khu vực phát sinh doanh thu. Theo đó, Cơ quan Tổng Giám đốc xác định bộ phận chia theo vùng địa lý cần được báo cáo bao gồm nội địa và xuất khẩu.

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	2.874.256.312.885	6.626.763.043.962	9.501.019.356.847
Kết quả kinh doanh của bộ phận	470.732.707.535	906.428.501.820	1.377.161.209.355
Thu nhập không phân bổ			484.230.932.594
Chi phí không phân bổ			(956.997.958.318)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			904.394.183.631
Thu nhập khác			57.770.322.679
Chi phí khác			(29.442.230.633)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(65.349.819.046)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			867.372.456.631

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tổng doanh thu của bộ phận	2.387.193.164.325	6.309.357.991.356	8.696.551.155.681
Kết quả kinh doanh của bộ phận	441.765.489.184	738.160.694.074	1.179.926.183.258
Thu nhập không phân bổ			447.576.023.873
Chi phí không phân bổ			(972.335.908.800)
Kết quả từ hoạt động kinh doanh			655.166.298.331
Thu nhập khác			25.805.713.943
Chi phí khác			(13.996.032.781)
Thuế thu nhập doanh nghiệp			(82.873.279.227)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN			584.102.700.266

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 30/6/2026			
Tài sản của bộ phận	1.120.907.889.509	1.225.296.980.028	2.346.204.869.537
Tài sản không phân bổ			18.179.242.042.279
Tổng tài sản			20.525.446.911.816
Nợ phải trả của bộ phận	573.099.265.014	591.403.162.484	1.164.502.427.498
Các khoản nợ không phân bổ			8.762.771.185.245
Tổng nợ phải trả			9.927.273.612.743
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Hợp nhất VND
Tại ngày 1/1/2026			
Tài sản của bộ phận	846.827.184.141	1.370.607.255.019	2.217.434.439.160
Tài sản không phân bổ			18.337.457.730.236
Tổng tài sản			20.554.892.169.396
Nợ phải trả của bộ phận	17.586.271.153	50.076.819.232	67.663.090.385
Các khoản nợ không phân bổ			10.481.549.712.337
Tổng nợ phải trả			10.549.212.802.722

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***10. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	25.368.382.291	25.513.992.281
Tiền gửi không kỳ hạn		
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	125.042.581.457	99.768.218.550
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	88.424.336.718	99.639.363.735
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	59.836.417.068	76.707.930.585
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	11.481.356.027	7.196.032.474
▪ Ngân hàng TMCP Quân đội	8.858.357.642	4.874.230.334
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	5.249.280.992	7.138.556.364
▪ Các ngân hàng khác	49.256.014.601	42.834.154.725
Các khoản tương đương tiền		
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	17.251.294.521	154.050.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	15.137.546.575	36.750.000.000
▪ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	9.033.705.479	188.257.347.922
▪ Các ngân hàng khác	20.020.171.233	218.635.602.747
	434.959.444.604	961.365.429.717

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***11. Các khoản đầu tư tài chính****(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc/ Giá trị phân bổ VND (Đã phân loại lại)	Dự phòng VND (Đã phân loại lại)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.956.021.966.123	-	3.223.905.555.123	-
▪ Phải thu về cho vay (ii)	1.171.430.000	-	2.342.860.000	-
	<u>3.957.193.396.123</u>	<u>-</u>	<u>3.226.248.415.123</u>	<u>-</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (iii)	254.778.767.212	-	75.229.099.934	-
▪ Trái phiếu doanh nghiệp (iv) (*)	121.882.549.336	(121.882.549.336)	122.270.649.336	(122.270.649.336)
▪ Trái phiếu chuyển đổi (v) (*)	45.360.000.000	-	45.360.000.000	-
	<u>422.021.316.548</u>	<u>(121.882.549.336)</u>	<u>242.859.749.270</u>	<u>(122.270.649.336)</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

- (i) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 3,9% đến 9,0%/năm (1/1/2026: từ 4,2% đến 8,0%/năm).

Giá trị có thể thu hồi của khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026. Giá trị phân bổ của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị có thể thu hồi được do tính chất ngắn hạn của các khoản đầu tư này. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026.

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn có số dư lớn:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	968.972.830.190	690.670.942.833
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	661.831.553.842	760.202.388.902
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	377.731.945.205	390.864.021.920
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	359.477.660.283	415.516.912.326
Ngân hàng TMCP Á Châu	313.845.498.274	118.887.075.497
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	200.147.431.507	67.405.787.671
Ngân hàng TMCP Quân đội	166.126.794.528	160.255.452.056
	3.048.133.713.829	2.603.802.581.205

- (ii) Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn từ bên liên quan không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất 7,1%/năm (1/1/2026: 7,1%/năm).

- (iii) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc và kỳ hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán và hưởng lãi suất trong khoảng từ 7,5% đến 9,0%/năm (1/1/2026: từ 7,5% đến 8,2%/năm).

Giá trị có thể thu hồi của khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn bao gồm giá gốc của khoản tiền gửi ban đầu và lãi dự thu đến ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026. Giá trị phân bổ của các khoản tiền gửi này xấp xỉ giá trị có thể thu hồi được. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đánh giá rằng khoản tiền gửi này được gửi ở ngân hàng có uy tín tại Việt Nam nên không bị suy giảm giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và 1 tháng 1 năm 2026.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Chi tiết các khoản tiền gửi có kỳ hạn dài hạn có số dư lớn:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	150.032.876.714	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	61.641.530.630	50.205.479.452
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	43.104.359.868	25.023.620.482
	<u>254.778.767.212</u>	<u>75.229.099.934</u>

Trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn và dài hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 bao gồm 360.951 triệu VND (1/1/2026: 202.060 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28) và 40.000 triệu VND (1/1/2026: 20.000 triệu VND) đang được dùng để thế chấp tại ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán với các nhà cung cấp.

- (iv) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026, một số tổ chức phát hành đã có dấu hiệu vi phạm các điều kiện và điều khoản của trái phiếu. Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính cho các khoản trái phiếu này dựa trên đánh giá của Cơ quan Tổng Giám đốc về khả năng thu hồi các khoản trái phiếu.
- (v) Đây là các khoản trái phiếu chuyển đổi do Tổng Công ty Cổ phần May Nhà Bè – công ty liên kết của Tập đoàn phát hành bằng VND, có kỳ hạn 2 năm, có thể chuyển đổi thành cổ phiếu vào năm 2027 và hưởng lãi suất 5%/năm.
- (*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2026				1/1/2026			
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
Công ty liên kết								
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	726.777.741.269	(*)	30,40%	30,40%	627.882.475.704	(*)
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	35,65%	445.437.090.474	(*)	17,86%	35,65%	885.980.015.529	(*)
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	46,93%	46,93%	256.900.361.276	(*)	46,93%	46,93%	142.294.639.452	(*)
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	32,21%	32,21%	220.255.361.157	(*)	32,21%	32,21%	183.890.844.610	(*)
▪ Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	25,20%	25,20%	143.504.497.395	(*)	25,20%	25,20%	134.185.136.565	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewoon – Thủ Đức	23,87%	47,64%	142.215.978.417	(*)	23,87%	47,64%	139.435.416.113	(*)
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	110.497.597.850	(*)	35,01%	35,01%	129.716.852.641	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	81.834.925.537	(*)	30,00%	30,00%	81.824.394.982	(*)
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	35,22%	35,22%	66.592.896.516	(*)	35,22%	35,22%	58.535.541.939	(*)
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			670.882.072.190				682.861.170.591	
			<u>2.864.898.522.081</u>				<u>3.066.606.488.126</u>	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

30/6/2026						1/1/2026					
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND		Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác											
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	1,83%	1,83%	19.450.204.510	-	(*)	
▪ Các khoản đầu tư khác			167.886.558.843	(34.484.330.071)				161.607.801.843	(30.809.946.725)		
			187.336.763.353	(34.484.330.071)				181.058.006.353	(30.809.946.725)		

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường hoặc có giá niêm yết trên thị trường nhưng khối lượng giao dịch không đủ để phản ánh một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	3.066.606.488.126	2.991.643.306.334
Phần lãi trong các công ty liên kết	291.841.439.740	258.742.690.524
Cổ tức nhận được	(323.337.677.000)	(310.903.825.000)
Phân loại lại sang đầu tư vào đơn vị khác	(6.278.757.000)	-
Biến động khác	(163.932.971.785)	(163.932.971.785)
Số dư cuối kỳ	2.864.898.522.081	2.775.549.200.073

12. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là các công ty liên kết		
Công ty TNHH Coats Phong Phú	314.242.893.947	281.676.531.142
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	54.600.939.342	61.818.324.620
Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	9.930.807.340	11.930.807.340
Các công ty liên kết khác	353.056.305	433.052.877
Phải thu của khách hàng là công ty liên kết của công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP	14.814.228.094	15.446.655.447
Phải thu các khách hàng khác	2.117.943.548.742	2.185.391.859.811
	2.511.885.473.770	2.556.697.231.237

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ 857.441 triệu VND (1/1/2026: 581.195 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Khoản phải thu từ các công ty liên kết và công ty liên kết của công ty mẹ không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 ngày đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***13. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Phải thu một đối tác liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh (i)	179.154.439.944	182.792.290.925
Góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh (ii)	43.532.895.759	43.532.895.759
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	43.357.573.125	13.198.842.000
Ký cược, ký quỹ	41.304.924.357	68.712.037.917
Phải thu các khoản tạm ứng	28.723.122.085	21.630.810.910
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	15.597.567.749	15.334.737.910
Các khoản chi hộ	395.312.500	395.312.500
Phải thu người lao động	4.550.725.505	2.980.357.794
Tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn	2.717.662.827	2.717.662.827
Phải thu lãi cho vay	373.194.205	472.704.205
Phải thu khác	31.655.625.167	18.363.727.302
	386.812.317.718	370.131.380.049

- (i) Đây là khoản tiền mà một công ty con của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thanh toán cho một đối tác để nhận chuyển nhượng Dự án phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (“Dự án Phước Long B”). Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Trong năm 2018 và 2019, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã bàn giao một phần diện tích đất cho khách hàng và ghi nhận doanh thu, giá vốn tương ứng với giá trị là 115.401 triệu VND và 111.481 triệu VND. Số tiền thanh toán tương ứng với phần diện tích đất còn lại được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị là 76.285 triệu VND.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã tiến hành các thủ tục để bàn giao lại dự án này cho đối tác. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023, khoản thanh toán ban đầu cho đối tác tương ứng với phần diện tích đất đã bàn giao là 111.481 triệu VND đã được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải thu ngắn hạn khác từ đối tác; toàn bộ khoản tiền Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú nhận được từ người mua được điều chỉnh lại và ghi nhận là khoản phải trả cho đối tác với giá trị là 115.401 triệu VND (Thuyết minh 27(a)); chi phí sản xuất kinh doanh dở dang liên quan với giá trị 76.285 triệu VND cũng được phân loại lại sang khoản phải thu ngắn hạn khác.

Trong năm 2025, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã xác định lại công nợ phải thu và phải trả đối với đối tác và ghi giảm 4.974 triệu VND khoản phải thu khác với đối tác.

Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã thu được 4.273 triệu VND đồng thời xác định lại công nợ phải thu và phải trả đối với đối tác và ghi tăng 635 triệu VND khoản phải thu khác với đối tác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

- (ii) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào hợp đồng hợp tác kinh doanh Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác từ các công ty liên quan như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tổng Công ty CP May Việt Tiến	26.811.840.000	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP	15.341.097.000	-
Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	2.088.026.325	1.103.280.000
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP	1.134.000.000	-
Công ty Cổ phần May Hưng Yên	-	6.830.562.000
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	-	4.927.500.000
Các công ty liên quan khác	101.356.125	204.738.671
	45.476.319.450	13.066.080.671

Khoản phải thu ngắn hạn khác từ công ty liên quan không có tài sản đảm bảo, không tính lãi và có điều khoản thanh toán theo yêu cầu.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	102.909.924.796	(102.909.924.796)	102.909.924.796	(102.909.924.796)
Ký quỹ, ký cược dài hạn	11.445.459.877	-	11.445.459.877	-
Phải thu dài hạn khác	29.064.346.439	(3.200.000.000)	25.992.869.333	(3.200.000.000)
	143.419.731.112	(106.109.924.796)	140.348.254.006	(106.109.924.796)

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

14. Nợ xấu và nợ khó đòi

		30/6/2026				1/1/2026		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-	Trên 3 năm	102.909.924.796	(102.909.924.796)	-
Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn	Trên 3 năm	43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581	Trên 3 năm	43.532.895.759	(16.291.758.178)	27.241.137.581
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 3 năm	40.145.792.764	(40.145.792.764)	-	Trên 3 năm	40.145.792.764	(40.145.792.764)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	33.458.572.750	(33.458.572.750)	-	Trên 3 năm	33.468.572.750	(33.468.572.750)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Xuất nhập khẩu Hà Đông	Trên 3 năm	27.073.566.760	(27.073.566.760)	-	Trên 3 năm	27.948.566.760	(27.948.566.760)	-
Các khách hàng khác	Trên 3 năm	178.407.555.902	(178.006.880.377)	400.675.525	Trên 3 năm	193.219.633.321	(192.804.957.796)	414.675.525
Các khách hàng khác	Từ 2 - 3 năm	20.828.344.301	(17.758.719.650)	3.069.624.651	Từ 2 - 3 năm	25.153.407.352	(23.661.729.408)	1.491.677.944
Các khách hàng khác	Từ 1 - 2 năm	20.720.715.492	(20.562.750.792)	157.964.700	Từ 1 - 2 năm	5.103.360.290	(4.918.748.523)	184.611.767
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng đến 1 năm	4.958.442.583	(1.585.669.390)	3.372.773.193	Từ 6 tháng đến 1 năm	4.222.937.136	(3.222.665.898)	1.000.271.238
		472.035.811.107	(437.793.635.457)	34.242.175.650		475.705.090.928	(445.372.716.873)	30.332.374.055
Trong đó:								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(331.683.710.661)				(339.262.792.077)	
Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn			(106.109.924.796)				(106.109.924.796)	

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***15. Hàng tồn kho**

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	275.203.471.653	(1.154.784.016)	451.825.961.082	(2.301.333.881)
Nguyên vật liệu	1.359.791.344.995	(20.012.692.590)	1.320.067.544.131	(26.159.838.918)
Công cụ và dụng cụ	13.582.653.897	-	11.511.817.220	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	890.893.757.885	(3.192.551.255)	832.729.151.877	(4.952.288.950)
Sản phẩm dệt may	496.234.676.766	(56.598.768.786)	620.144.521.366	(58.500.950.591)
Sản phẩm bất động sản	173.330.273.189	-	173.330.273.189	-
Hàng hóa	26.853.784.669	(243.770.456)	37.680.262.993	(1.129.557.735)
Hàng gửi đi bán	29.969.454.838	(27.263.178)	93.214.995.752	(337.014.710)
	3.265.859.417.892	(81.229.830.281)	3.540.504.527.610	(93.380.984.785)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 1.877.498 triệu VND (1/1/2026: 1.861.923 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 457.586 triệu VND hàng mua đang đi đường, nguyên vật liệu, bán thành phẩm, thành phẩm, hàng hóa và hàng gửi đi bán (1/1/2026: 669.891 triệu VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	4.003.499.256.033	9.496.298.168.327	458.557.695.010	127.170.847.288	185.134.585.232	14.270.660.551.890
Tăng trong kỳ	4.304.898.825	23.657.607.478	6.724.754.919	211.941.383	3.846.100.414	38.745.303.019
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang (Thuyết minh 20)	19.969.989.488	300.864.086.641	10.701.682.586	264.868.488	3.270.405.584	335.071.032.787
Thanh lý, nhượng bán	(4.955.055.116)	(69.778.931.528)	(2.135.485.353)	(1.372.242.977)	(769.123.466)	(79.010.838.440)
Số dư cuối kỳ	4.022.819.089.230	9.751.040.930.918	473.848.647.162	126.275.414.182	191.481.967.764	14.565.466.049.256
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	2.020.671.497.825	6.814.748.310.017	317.325.084.773	102.750.246.562	164.732.105.496	9.420.227.244.673
Khấu hao trong kỳ	79.845.093.973	279.957.646.745	15.222.862.168	3.190.644.748	7.344.837.699	385.561.085.333
Thanh lý, nhượng bán	(2.901.545.926)	(68.528.137.980)	(1.809.607.567)	(1.372.242.977)	(664.846.073)	(75.276.380.523)
Số dư cuối kỳ	2.097.615.045.872	7.026.177.818.782	330.738.339.374	104.568.648.333	171.412.097.122	9.730.511.949.483
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	1.982.827.758.208	2.681.549.858.310	141.232.610.237	24.420.600.726	20.402.479.736	4.850.433.307.217
Số dư cuối kỳ	1.925.204.043.358	2.724.863.112.136	143.110.307.788	21.706.765.849	20.069.870.642	4.834.954.099.773

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 3.020.828 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 3.099.839 triệu VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.006.083 triệu VND (1/1/2026: 3.212.179 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	155.856.401.541	3.070.974.243	158.927.375.784
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20)	19.414.922.502	-	19.414.922.502
Số dư cuối kỳ	175.271.324.043	3.070.974.243	178.342.298.286
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	29.692.920.511	884.391.776	30.577.312.287
Khấu hao trong kỳ	7.033.021.859	202.769.220	7.235.791.079
Số dư cuối kỳ	36.725.942.370	1.087.160.996	37.813.103.366
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	126.163.481.030	2.186.582.467	128.350.063.497
Số dư cuối kỳ	138.545.381.673	1.983.813.247	140.529.194.920

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	42.291.755.029	28.459.778.646	1.758.735.714	72.510.269.389
Tăng trong năm	-	535.000.000	-	535.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20)	-	2.025.000.000	-	2.025.000.000
Xóa sổ	-	(939.519.786)	-	(939.519.786)
Số dư cuối kỳ	42.291.755.029	30.080.258.860	1.758.735.714	74.130.749.603
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	10.297.981.026	23.236.169.582	1.622.166.241	35.156.316.849
Khấu hao trong kỳ	668.059.128	807.328.288	-	1.475.387.416
Xóa sổ	-	(939.519.786)	-	(939.519.786)
Số dư cuối kỳ	10.966.040.154	23.103.978.084	1.622.166.241	35.692.184.479
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	31.993.774.003	5.223.609.064	136.569.473	37.353.952.540
Số dư cuối kỳ	31.325.714.875	6.976.280.776	136.569.473	38.438.565.124

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các tài sản có nguyên giá 18.450 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2026: 14.950 triệu VND).

19. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Hạ tầng khu công nghiệp VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	211.082.890.880	347.874.656.955	46.434.930.834	605.392.478.669
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	48.142.327.575	70.192.170.031	5.190.174.077	123.524.671.683
Khấu hao trong kỳ	2.947.724.002	6.153.117.227	439.258.689	9.540.099.918
Số dư cuối kỳ	51.090.051.577	76.345.287.258	5.629.432.766	133.064.771.601
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	162.940.563.305	277.682.486.924	41.244.756.757	481.867.806.986
Số dư cuối kỳ	159.992.839.303	271.529.369.697	40.805.498.068	472.327.707.068

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là văn phòng cho thuê tại Số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định – Công ty con cấp 2 của Tập đoàn là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Phường Trường Thi, Tỉnh Ninh Bình;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng, văn phòng điều hành tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Phường Mỹ Hào, Tỉnh Hưng Yên;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc – Vinatex – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là hệ thống cơ sở hạ tầng và nhà máy May Tuyên Quang tại Xã Sơn Dương, Tỉnh Tuyên Quang;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn là quyền sử dụng đất và một phần các công trình gắn với hạ tầng khu công nghiệp bao gồm nhà xưởng của Nhà máy Dệt Đông Phương tại Khu công nghiệp Xuyên Á, Xã Đức Lập, Tỉnh Tây Ninh; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ chủ yếu bao gồm tầng hầm và văn phòng cho thuê tại 39 – 43 Võ Văn Kiệt, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do chưa có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

20. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	579.150.550.753	400.958.692.169
Tăng trong kỳ	315.461.309.571	235.304.783.755
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn (Thuyết minh 21(a))	(1.042.272.613)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16)	(335.071.032.787)	(112.611.779.705)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 18)	(2.025.000.000)	(203.783.559)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính (Thuyết minh 17)	(19.414.922.502)	-
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ dài hạn (Thuyết minh 21(b))	(2.770.547.923)	(1.499.449.132)
Xóa sổ	(21.571.242)	(208.166.320)
Thanh lý	(6.558.368.425)	-
Số dư cuối kỳ	527.708.144.832	521.740.297.208

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
▪ Tập đoàn Dệt may Việt Nam – Công ty mẹ		
• Nhà máy Sợi Nam Định	18.973.452.363	18.973.452.363
• Dự án Khu liên hợp Sợi-Dệt-Nhuộm-May Quảng Nam	5.813.893.461	5.813.893.461
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	-	62.901.332.271
▪ Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài		
• Dự án Nhà máy xử lý nước thải số 2	-	89.645.163.247
• Sửa chữa khu nhà điều hành và văn phòng	12.186.724.555	-
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Huế		
• Nhà máy may 3 tầng	145.344.350.000	86.336.349.798
• Đầu tư bổ sung thiết bị sợi	27.273.607.086	-
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	-	12.840.234.566
• Dự án Nhà máy May Yên Bình	-	5.013.367.134
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ		
• Đầu tư thiết bị cải tạo xưởng Veston	97.967.276.677	135.793.876.812
• Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời mái nhà	34.663.875.379	25.060.684.723
• Đầu tư cải tạo Công ty May Điện Bàn	35.946.916.380	-
▪ Công ty CP Dệt Gia dụng Phong Phú		
• Công trình Nhà xưởng sợi 22.000 cọc Ninh Thuận	48.628.413.423	35.012.637.950
• Công trình Xây dựng nhà xưởng dệt	-	6.523.650.247
• Máy móc, thiết bị chưa lắp đặt	3.032.291.403	10.694.203.728
▪ Các công trình khác	97.877.344.105	84.541.704.453
	527.708.144.832	579.150.550.753

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị 48.628 triệu VND (1/1/2026: 17.326 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 28).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí chờ phân bổ

(a) Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ	6.122.706.197	8.307.584.468
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	8.200.005.250	3.675.093.777
Trả trước phí bảo hiểm	16.334.199.301	17.080.461.142
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	14.027.012.612	8.128.414.057
	44.683.923.360	37.191.553.444

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng, mặt bằng trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí sửa chữa, cải tạo VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	156.809.788.830	1.087.500.000	79.211.203.011	28.977.021.303	64.794.014.377	330.879.527.521
Tăng trong kỳ	-	-	46.499.761.037	4.750.593.392	14.511.715.873	65.762.070.302
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20)	-	-	2.770.547.923	-	-	2.770.547.923
Phân bổ trong kỳ	(3.183.625.225)	(1.087.500.000)	(26.241.653.954)	(6.811.503.393)	(12.049.515.234)	(49.373.797.806)
Chuyển sang chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	-	-	(1.028.445.635)	-	(503.297.842)	(1.531.743.477)
Phân loại lại	3.577.427.016	-	(3.794.235.929)	3.170.635.628	(2.953.826.715)	-
Giảm do thanh lý nhượng bán	-	-	(39.073.664)	-	-	(39.073.664)
Số dư cuối kỳ	157.203.590.621	-	97.378.102.789	30.086.746.930	63.799.090.459	348.467.530.799

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	10.478.201.700	10.739.090.162
Các khoản mục khác	20%	554.225.731	1.529.294.957
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		11.032.427.431	12.268.385.119
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(156.491.861.936)	(177.494.564.596)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả thuần		(145.459.434.505)	(165.226.179.477)

23. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải trả người bán là các công ty liên kết		
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	156.855.110.243	167.140.071.222
▪ Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	16.125.825.775	14.434.179.865
▪ Tổng Công ty May 10 – CTCP	5.740.779.657	5.811.872.509
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	1.939.914.426	1.409.350.943
▪ Công ty Cổ phần Hòa Thọ – Quảng Nam	-	11.278.019
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến – CTCP	110.469.832	-
▪ Tổng Công ty Đức Giang – CTCP	-	27.353.000.817
▪ Các công ty liên kết khác	10.167.058.928	8.228.266.749
Phải trả người bán khác		
▪ Các nhà cung cấp khác	914.258.616.698	812.095.016.598
	1.105.197.775.559	1.036.483.036.722

Khoản phải trả các công ty liên kết không có tài sản đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 ngày đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

24. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2026 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	30/6/2026 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.609.737.729	-	(871.914.524)	7.737.823.205
Thuế xuất nhập khẩu	386.759.945	426.517.656	(403.715.965)	409.561.636
Các loại thuế khác	7.347.537.621	48.106.779.303	(51.886.074.136)	3.568.242.788
Các khoản khác	23.562.670	398.288.968	-	421.851.638
	16.367.597.965	48.931.585.927	(53.161.704.625)	12.137.479.267

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2026 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được hoàn trong năm VND	Bù trừ với thuế GTGT đầu vào VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	18.688.662.629	317.616.282.711	(157.817.962.084)	(158.665.578.570)	19.821.404.686
Thuế xuất nhập khẩu	15.671.348	1.660.551.164	(1.644.181.258)	-	32.041.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp	49.585.660.864	85.116.564.018	(73.958.809.105)	-	60.743.415.777
Thuế thu nhập cá nhân	8.934.715.155	31.380.282.318	(33.515.334.153)	-	6.799.663.320
Thuế tài nguyên	640.679.142	1.628.012.675	(1.974.155.475)	-	294.536.342
Tiền thuê, thuế đất	793.656.333	9.828.390.407	(7.359.761.116)	-	3.262.285.624
Các loại thuế khác	2.187.695	8.287.934.834	(8.207.581.001)	-	82.541.528
	78.661.233.166	455.518.018.127	(284.477.784.192)	(158.665.578.570)	91.035.888.531

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

25. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Chi phí điện, nước	16.728.315.990	14.817.430.351
Chi phí cải tạo sửa chữa	12.804.823.205	12.672.843.893
Phí hoa hồng	8.866.544.818	9.393.332.642
Chi phí lãi vay	6.380.774.260	7.113.712.322
Chi phí hoạt động	5.361.367.629	4.626.015.012
Chi phí doanh số, hỗ trợ siêu thị	1.368.321.140	1.269.513.264
Chi phí gia công thuê ngoài	1.131.312.757	-
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	662.687.677	1.221.905.918
Chi phí phải trả khác	18.055.053.664	15.434.391.996
	71.359.201.140	66.549.145.398

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Tiền thuê đất phải trả (*)	8.832.136.320	9.296.985.600
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng	(464.849.280)	(464.849.280)
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả sau 12 tháng	8.367.287.040	8.832.136.320

(*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với phần diện tích được sử dụng bởi Công ty TNHH Xây dựng và Sản xuất Tài Nguyên trong thời hạn của hợp đồng cho thuê đến năm 2046.

26. Doanh thu chờ phân bổ

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Doanh thu nhận trước từ các hợp đồng cho thuê	342.912.632.187	352.166.171.028
Trong đó:		
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	26.020.393.275	29.444.897.537
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	316.892.238.912	322.721.273.491

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Nhận tạm ứng từ một số cá nhân liên quan đến việc bán các khoản phải thu tại một công ty con (*)	196.896.153.787	196.896.153.787
Phải trả một đối tác liên quan đến Dự án Phát triển khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (Thuyết minh 13(a))	115.401.827.748	115.401.827.748
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	33.999.857.274	35.594.790.733
Nhận góp vốn hợp tác kinh doanh khác	19.500.000.000	19.500.000.000
Phải trả lãi vay khác	4.216.843.492	4.681.134.192
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	3.114.132.000	640.000.000
Quỹ từ thiện	2.845.248.287	2.845.248.287
Các khoản phải trả khác	59.995.304.580	32.846.949.225
	435.969.367.168	408.406.103.972

- (*) Trong năm 2023, Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May (công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam) đã ban hành Nghị quyết số 11/HĐQT-NQ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về chủ trương bán một số khoản nợ phải thu của khách hàng để có nguồn tiền trả nợ. Theo đó, công ty con này đã ký biên bản thỏa thuận với một số cá nhân có nhu cầu mua khoản nợ và nhận số tiền tạm ứng là 196.896 triệu VND. Công ty con này đã thanh toán toàn bộ số gốc vay và nghĩa vụ nợ với Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các ngân hàng từ nguồn tiền tạm ứng nêu trên và được các ngân hàng thông qua việc miễn toàn bộ số lãi còn phải trả. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May chưa hoàn thành việc bán nợ cho cá nhân đã tạm ứng nêu trên. Thời hạn hoàn trả khoản tạm ứng, lãi suất hay thời hạn ký kết hợp đồng mua bán nợ không được quy định cụ thể trong biên bản thỏa thuận được ký kết giữa Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May với các cá nhân.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh		
đồng kiểm soát (*)	45.037.427.000	46.706.198.620
Tiền thuê đất	13.752.000.000	13.752.000.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	8.303.406.000	8.773.742.000
Nhận góp vốn đầu tư các dự án dài hạn	5.226.000.000	5.226.000.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	12.830.192.253	9.702.888.592
	85.149.025.253	84.160.829.212

- (*) Phản ánh giá trị các bên khác góp vốn vào Dự án xây dựng nhà văn phòng của Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, tại Số 67 Phố Ngô Thì Nhậm, Phường Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, các bên góp vốn chưa có kế hoạch cụ thể để xây dựng dự án.

28. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2026 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND		Biến động trong kỳ			30/6/2026 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Thanh toán VND	Chênh lệch tỷ giá do thanh toán VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	
Vay ngắn hạn	4.721.835.357.991	6.276.287.285.169	(6.706.444.412.371)	(3.560.058.773)	(5.674.241.196)	4.282.443.930.820
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 28(b))	179.862.271.292	76.586.577.421	(108.602.592.091)	35.640.753	(204.528.404)	147.677.368.971
	4.901.697.629.283	6.352.873.862.590	(6.815.047.004.462)	(3.524.418.020)	(5.878.769.600)	4.430.121.299.791

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, trong khoản vay ngắn hạn có 2.656.638 triệu VND (1/1/2026: 3.447.091 triệu VND) là các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 11), các khoản phải thu (Thuyết minh 12), các khoản trả trước cho người bán, hàng tồn kho (Thuyết minh 15), tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16) và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 20) với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 tổng cộng là 3.173.757 triệu VND (1/1/2026: 2.851.495 triệu VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,0% đến 4,85% đối với các khoản vay bằng USD và từ 3,8% đến 10,0% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: từ 1,5% đến 5,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,6% đến 10,0% đối với các khoản vay bằng VND).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng và vay cá nhân. Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 2,82% đến 8,3% đối với các khoản vay bằng USD và từ 3,7% đến 14,04% đối với các khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: từ 1,5% đến 5,5% đối với các khoản vay bằng USD và từ 5,6% đến 10% đối với các khoản vay bằng VND).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Vay dài hạn (i)	1.907.319.860.674	1.990.003.411.967
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	59.676.753.765	67.022.919.146
	1.966.996.614.439	2.057.026.331.113
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 28(a))	(147.677.368.971)	(179.862.271.292)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.819.319.245.468	1.877.164.059.821

(i) Vay dài hạn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, các khoản vay dài hạn bao gồm:

- 874.589 triệu VND (1/1/2026: 926.155 triệu VND) là khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (Thuyết minh 11), các khoản phải thu (Thuyết minh 12), trả trước người bán, hàng tồn kho (Thuyết minh 15), và tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 16) có giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 1.630.667 triệu VND (1/1/2026: 1.587.429 triệu VND). Các khoản vay này chịu lãi suất năm từ 3,00% đến 3,57% đối với khoản vay bằng USD và từ 3,0% đến 10,1% đối với khoản vay bằng VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: từ 3,6% đến 10,7% đối với khoản vay bằng USD và từ 6,4% đến 7,1% đối với khoản vay bằng VND).
- khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Châu Á với giá trị ghi sổ 1.029.731 triệu VND (1/1/2026: 1.060.848 triệu VND). Khoản vay này có hạn mức là 105 triệu USD và chịu lãi suất năm thả nổi được điều chỉnh 6 tháng một lần. Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải thực hiện đầy đủ các điều khoản của Hiệp định vay với Ngân hàng Phát triển Châu Á và Hiệp định vay phụ với Bộ Tài chính.

Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- một số tài sản cố định của Tập đoàn Dệt May Việt Nam với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 28.197 triệu VND (1/1/2026: 36.573 triệu VND);
- một số tài sản cố định của các công ty con của Tập đoàn bao gồm Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt 8-3, Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Xuân, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ, Công ty Cổ phần Dệt May Huế, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội, Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định và Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 là 799.578 triệu VND (1/1/2026: 920.163 triệu VND);
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hoàn Kiếm với giá trị là 190.000 triệu VND (1/1/2026: 110.000 triệu VND).
- các khoản vay từ cá nhân với giá trị ghi sổ 3.000 triệu VND (1/1/2026: 3.000 triệu VND). Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 5,5% đến 9,6% (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: từ 5,5% đến 10,7%).

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(ii) *Nợ thuê tài chính dài hạn***

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	30/6/2026			1/1/2026		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng 1 năm	8.285.850.415	2.005.483.071	6.280.367.344	12.073.987.832	1.340.646.576	10.733.341.256
Trong vòng 2 đến 5 năm	51.121.787.984	1.078.271.562	50.043.516.422	57.455.320.575	3.793.578.725	53.661.741.850
Sau 5 năm	3.386.398.699	33.528.700	3.352.869.999	2.652.800.482	24.964.442	2.627.836.040
	62.794.037.098	3.117.283.333	59.676.753.765	72.182.108.889	5.159.189.743	67.022.919.146



29. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Đây là khoản dự phòng mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – Công ty con cấp 1 của Tập đoàn, ghi nhận liên quan đến Dự án Khu nhà ở tại Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã nhận chuyển nhượng từ một đối tác từ năm 2017. Tuy nhiên, vào ngày 22 tháng 6 năm 2019, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định hủy bỏ quyết định cho phép chuyển nhượng dự án do có sai phạm trong việc chuyển nhượng. Ngày 18 tháng 12 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm và đã ra phán quyết về vi phạm của bên đối tác trong việc chuyển nhượng dự án và xác định số thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đã trích lập 62.473 triệu VND là số tiền mà Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú có thể sẽ phải trả liên quan đến phần diện tích đất đã chuyển nhượng cho khách hàng do hậu quả của việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng Dự án Phước Long B. Ngày 15 tháng 6 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm và đưa ra phán quyết giữ nguyên phán quyết của phiên tòa sơ thẩm về giá trị thiệt hại mà bên đối tác phải chịu trách nhiệm bồi thường liên quan đến vụ việc này. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vẫn đang chờ các hướng dẫn để giải quyết các vấn đề liên quan và đang tiến hành bàn giao lại dự án này cho đối tác (Thuyết minh 13(a)). Đồng thời, dựa trên các thông tin sẵn có, Ban lãnh đạo Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú đánh giá việc ghi nhận khoản dự phòng 62.473 triệu VND là phù hợp.

30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hàng năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn và của các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	218.325.760.895	201.072.736.859
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 31)	133.563.224.905	71.987.145.883
Sử dụng trong kỳ	(64.314.388.164)	(12.653.018.087)
Biến động khác	247.555.600	-
Số dư cuối kỳ	287.822.153.236	260.406.864.655

31. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND (Đã phân loại lại)	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (*) VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND
Số dư tại ngày 1/1/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	779.230.984.666	(747.830.122.185)	824.954.603.341	894.895.054.218	2.422.820.019.148	9.204.432.471.540
<i>Số dư tại ngày 1/1/2025 – đã báo cáo trước đây</i>	<i>5.000.000.000.000</i>	<i>30.361.932.352</i>	<i>779.230.984.666</i>	<i>(747.830.122.185)</i>	<i>824.954.603.341</i>	<i>930.921.957.951</i>	<i>2.458.703.102.907</i>	<i>9.276.342.459.032</i>
<i>Điều chỉnh lại</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(36.026.903.733)</i>	<i>(35.883.083.759)</i>	<i>(71.909.987.492)</i>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	352.921.389.036	231.181.311.230	584.102.700.266
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 33)	-	-	-	-	54.194.489.232	(54.194.489.232)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(44.699.337.130)	(27.287.808.753)	(71.987.145.883)
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	(42.740.660.500)	(42.740.660.500)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(11.427.392.619)	(152.505.579.166)	(163.932.971.785)
Số dư tại ngày 30/6/2025	5.000.000.000.000	30.361.932.352	779.230.984.666	(747.830.122.185)	879.149.092.573	1.137.495.224.273	2.431.467.281.959	9.509.874.393.638
Số dư tại ngày 1/1/2026	5.000.000.000.000	30.361.932.352	696.173.883.127	(747.830.122.185)	988.988.121.869	1.426.980.171.237	2.611.005.380.274	10.005.679.366.674
Tăng vốn tại công ty con góp bằng tiền	-	-	-	-	-	-	68.110.000.000	68.110.000.000
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu tại công ty con (**)	-	-	18.705.055.440	-	-	(18.705.055.440)	-	-
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	561.782.434.926	305.590.021.705	867.372.456.631
Phân bổ quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 33)	-	-	-	-	114.260.014.736	(114.260.014.736)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 30)	-	-	-	-	-	(85.214.836.453)	(48.348.388.452)	(133.563.224.905)
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	-	(311.037.498)	-	-	-	-	(311.037.498)
Cổ tức (Thuyết minh 35)	-	-	-	-	-	-	(43.435.964.000)	(43.435.964.000)
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	(12.081.567.995)	(153.596.729.834)	(165.678.297.829)
Số dư tại ngày 30/6/2026	5.000.000.000.000	30.361.932.352	714.567.901.069	(747.830.122.185)	1.103.248.136.605	1.758.501.131.539	2.739.324.319.693	10.598.173.299.073

(*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư thay vì giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

(**) Trong kỳ, Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú – công ty con của Tập đoàn thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHĐCĐ/2026 ngày 21 tháng 5 năm 2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 29/NQ-HĐQT ngày 4 tháng 6 năm 2026.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***32. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam như sau:

	30/6/2026 và 1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	500.000.000	5.000.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	Đã phát hành và đang lưu hành		
	30/6/2026 và 1/1/2026		
	Số cổ phiếu	VND	%
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
ITOCHU Corporation	65.000.000	650.000.000.000	13,00%
Các cổ đông khác	167.561.900	1.675.619.000.000	33,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

33. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***34. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu bao gồm:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Đã phân loại lại)
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	543.092.845.095	543.092.845.095
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	18.381.110.493	18.692.147.991
Vốn khác	153.093.945.481	134.388.890.041
	714.567.901.069	696.173.883.127

(a) Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam để giải ngân cho các dự án đầu tư bao gồm:

	Tại ngày 30/6/2026 và ngày 1/1/2026 VND
Dự án Nhà máy Kéo sợi	104.848.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường	85.600.000.000
Dự án Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi	85.000.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Nam Định	80.900.000.000
Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng	69.164.195.144
Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung	54.496.650.079
Dự án Nhà máy May Dệt kim	32.083.999.872
Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt	31.000.000.000
	543.092.845.095

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã hoàn thành và quyết toán Dự án Nhà máy Sợi Phú Hưng, Dự án Nhà máy Sợi Nam Định – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Sợi Phú Cường – Giai đoạn 1, Dự án Nhà máy Kéo sợi và Dự án Nhà máy May Dệt kim, Dự án Di dời và Đầu tư Nâng cấp Xí nghiệp Sợi và Xí nghiệp Dệt, Dự án Đầu tư Nhà máy Kéo sợi mới hai vạn cọc sợi và Dự án Đầu tư Phát triển Dệt nhuộm tại Miền Trung. Tại ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đang trong quá trình làm việc với các bên hữu quan để xác định thời điểm và giá trị phần nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được chuyển đổi thành vốn cổ phần thuộc sở hữu của Nhà nước tại Tập đoàn.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(b) Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định được Ngân sách Nhà nước cấp cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ để đầu tư xây dựng Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam. Biến động của nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	18.692.147.991	19.314.222.987
Hao mòn tài sản cố định và phân bổ giá trị quyền sử dụng đất của Nhà truyền thống ngành Dệt May Việt Nam	(311.037.498)	(311.037.498)
Số dư cuối kỳ	18.381.110.493	19.003.185.489

35. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 20 tháng 5 năm 2026, Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thông qua kế hoạch phân phối khoản cổ tức bằng tiền trị giá 150.000 triệu VND (tương đương tỷ lệ chia 3%/vốn điều lệ) từ lợi nhuận sau thuế năm 2025 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2025: không thực hiện phân phối cổ tức).

Theo Thông báo số 410/TĐDMVN-VPHĐQT ngày 4 tháng 8 năm 2026 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam gửi Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC), ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách cổ đông được hưởng quyền nhận cổ tức là ngày 19 tháng 8 năm 2026. Căn cứ quy định hiện hành và quyền lợi của cổ đông đã được xác lập tại thời điểm này, Tập đoàn đã ghi nhận khoản cổ tức phải trả cho cổ đông vào ngày 19 tháng 8 năm 2026.

36. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng 1 năm	53.274.988.604	70.549.411.000
Trong vòng 2 đến 5 năm	121.931.698.498	120.532.619.217
Sau 5 năm	356.696.518.966	372.244.074.356
	531.903.206.068	563.326.104.573

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	30/6/2026		1/1/2026	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	6.918.009	182.697.748.647	5.169.584	137.126.000.346
EUR	21.574	650.225.327	21.579	650.886.954
RUB	3.900	1.308.767	3.900	1.308.767
		<u>183.349.282.741</u>		<u>137.778.196.067</u>

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH MTV Dệt 19-5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Không có khả năng thu hồi	2024	2.883.059.365	2.883.059.365
Phải thu các đối tượng khác	Không có khả năng thu hồi		8.200.996.939	8.102.183.977
			<u>21.498.227.747</u>	<u>21.399.414.785</u>

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	232.757.180.360	301.573.418.648
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	174.008.919.664	258.559.780.957
	<u>406.766.100.024</u>	<u>560.133.199.605</u>

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***37. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	9.154.724.666.893	8.400.634.618.599
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	296.338.048.092	261.366.502.579
▪ Bán và cho thuê bất động sản	59.390.688.021	44.899.332.204
	9.510.453.403.006	8.706.900.453.382
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(6.681.605.838)	(9.396.323.305)
▪ Giảm giá hàng bán	(52.708.542)	(146.436.426)
▪ Hàng bán bị trả lại	(2.699.731.779)	(806.537.970)
	(9.434.046.159)	(10.349.297.701)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.501.019.356.847	8.696.551.155.681

38. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Thành phẩm và hàng hóa đã bán	7.833.156.471.537	7.367.433.518.440
Dịch vụ đã cung cấp	261.279.470.649	133.872.399.853
Cho thuê bất động sản	41.573.359.810	29.774.128.419
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(12.151.154.504)	(14.455.074.289)
	8.123.858.147.492	7.516.624.972.423

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

39. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	123.480.593.371	73.472.466.337
Cổ tức được chia	15.535.264.366	12.604.982.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	44.818.098.680	94.063.544.243
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.169.220.936	62.730.206
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	-	3.083.378.988
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.386.315.501	5.546.231.575
	192.389.492.854	188.833.333.349

40. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	171.567.552.374	163.158.208.280
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	22.550.859.978	39.227.690.963
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	936.469.131	53.156.469.195
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư vào đơn vị khác	7.366.984.225	(9.358.252.219)
Chi phí tài chính khác	1.028.121.291	5.163.023.587
	203.449.986.999	251.347.139.806

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

41. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	34.439.943.597	30.150.972.346
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.963.457.586	3.887.373.936
Chi phí vận chuyển	83.859.999.644	80.814.879.614
Chi phí công cụ và dụng cụ	6.818.633.965	3.801.137.924
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	4.649.010.568	3.607.976.297
Chi phí bao bì	9.094.400.770	7.059.477.306
Chi phí hoa hồng	28.620.824.174	25.889.671.393
Chi phí xuất nhập khẩu	16.399.425.677	11.981.110.058
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.566.743.725	65.185.184.519
Chi phí bán hàng khác	13.152.256.993	11.581.092.336
	259.564.696.699	243.958.875.729

42. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	242.958.413.863	213.428.300.815
Chi phí khấu hao và phân bổ	35.525.224.230	33.123.918.049
Chi phí thuê đất và nhà cửa	69.204.072.124	68.498.362.211
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(7.579.081.416)	9.721.505.136
Chi phí thuế, phí và lệ phí	9.834.126.188	10.210.652.587
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	8.256.359.376	7.482.515.414
Công tác phí	4.157.268.205	5.849.029.174
Chi phí tiếp khách	3.299.981.182	4.866.747.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.207.713.927	66.597.698.455
Chi phí khác	58.119.196.941	57.251.163.687
	493.983.274.620	477.029.893.265

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

43. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi do thanh lý tài sản cố định	11.156.783.415	1.446.833.867
Nhận trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	25.324.827.508	5.415.871.294
Thu nhập hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	10.169.892.715	6.095.143.070
Các khoản thu nhập khác	11.118.819.041	12.847.865.712
	57.770.322.679	25.805.713.943

44. Chi phí khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	10.292.826.342	6.412.598
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	8.309.087.844	5.816.833.049
Khấu hao tài sản cố định chờ thanh lý	2.760.750.268	-
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	164.792.431	-
Phạt vi phạm thuế	344.490.665	4.772.439
Các khoản chi phí khác	7.570.283.083	8.168.014.695
	29.442.230.633	13.996.032.781

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***45. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	4.913.043.823.405	4.847.133.336.721
Chi phí nhân viên	2.046.079.195.832	1.868.224.273.235
Chi phí khấu hao	403.924.201.205	398.670.022.703
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.073.730.791.591	981.614.863.875
Chi phí khác	328.606.812.924	238.392.405.877
	8.765.384.824.957	8.334.034.902.411

46. Chi phí thuế TNDN**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	83.492.174.925	72.759.264.486
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	1.624.389.093	15.500.997
	85.116.564.018	72.774.765.483
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(19.766.744.972)	10.098.513.744
	65.349.819.046	82.873.279.227

Tập đoàn Dệt May Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC
ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	932.722.275.677	666.975.979.493
Thuế tính theo thuế suất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ	186.544.455.135	133.395.195.899
Ưu đãi thuế	(279.203.975)	(805.974.272)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(4.115.837.761)	(2.591.541.295)
Chi phí không được khấu trừ thuế	13.107.842.054	11.396.037.333
Thu nhập không bị tính thuế	(61.475.340.821)	(54.269.534.505)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(65.983.793.851)	(4.179.447.230)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế của năm hiện hành	480.684.704	1.047.501.801
Biến động chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận	(4.553.375.532)	(1.134.459.501)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.624.389.093	15.500.997
	65.349.819.046	82.873.279.227

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định của pháp luật thuế hiện hành áp dụng cho từng công ty.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***47. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ, sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền. Chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	561.782.434.926	352.921.389.036
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(9.263.159.855)	(5.000.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	552.519.275.071	347.921.389.036
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.105	696

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm tàng, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VND)	552.519.275.071	347.921.389.036
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	500.000.000	500.000.000
Anh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm tàng trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (số cổ phiếu) (Thuyết minh 34(a))	54.309.285	54.309.285
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm) (số cổ phiếu)	554.309.285	554.309.285
Lãi suy giảm trên cổ phiếu trong trường hợp chuyển đổi nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản thành vốn cổ phần (VND)	997	628

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***48. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước – Công ty TNHH		
Cổ tức đã trả	80.231.430.000	-
Các công ty liên kết		
Tổng Công ty May Nhà Bè – CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.083.819.876	150.172.438
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.651.170.953	1.327.915.674
Tổng Công ty Đức Giang – CTCP		
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.567.115.686	17.169.027.455
Công ty Cổ phần May Bình Minh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	328.360.334	256.098.505
Mua hàng hóa và dịch vụ	249.747.316	-
Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng		
Bán hàng hóa, dịch vụ	11.509.078	12.028.094.820
Công ty Cổ phần May Đáp Cầu		
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	60.000.000	30.000.000
Mua dịch vụ	919.045.000	892.594.296
Chi phí lãi vay	-	131.857.534
Công ty Cổ phần May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	349.729.833	158.848.408
Mua hàng hóa	543.270.925	-
Thu nhập khác	18.835.779	-
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.638.036.814	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	3.425.616.546	899.609.156
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	88.013.853	569.274.750
Mua hàng hóa và dịch vụ	7.313.256.500	-
Tổng Công ty May 10 – CTCP		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	448.822.960	456.052.005
Mua hàng hóa và dịch vụ	6.557.390.941	8.284.477.427

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex		
Cung cấp dịch vụ	705.000.000	684.725.610
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Doanh thu cho thuê tài sản	818.460.000	409.230.000
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	88.443.425.620	165.869.490.640
Mua hàng hóa và dịch vụ	64.910.341.222	130.983.359.452
Thu nhập lãi trả chậm	734.613.001	921.818.949
Thu nhập khác	11.470.000	19.240.000
Công ty CP May IV Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.250.462.026	1.125.533.243
Công ty Cổ phần May Hưng Yên		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	102.083.333	-
Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	972.355.750	1.174.413.663
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.610.889.338	38.235.668.108
Khoản hoàn trả gốc cho vay	1.171.430.000	1.171.430.000
Thu nhập từ lãi cho vay	77.131.444	217.943.325
Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	212.012.292	126.407.885
Mua hàng hóa	-	5.411.316.333
Công ty TNHH Coats Phong Phú		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	436.303.051.991	420.967.770.345
Mua hàng hóa và dịch vụ	221.558.164.172	196.491.976.353
Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	6.494.400.000	7.207.200.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	12.429.030.582	10.017.095.007
Công ty Cổ phần May Hữu Nghị		
Bán hàng hóa	50.000.000	-
Công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP		
Doanh thu bán hàng hóa	13.716.877.863	26.418.608.382
Mua hàng hóa và dịch vụ	54.870.000	-

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
<i>Thù lao, lương, thưởng và phúc lợi khác của người quản lý chủ chốt</i>		
<i>Thành viên Hội đồng Quản trị</i>		
Ông Lê Tiến Trường – Chủ tịch	525.624.400	525.624.400
Ông Trần Quang Nghị – Phó Chủ tịch	82.080.000	86.080.000
Ông Cao Hữu Hiếu – Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	58.000.000	53.608.696
Ông Đặng Vũ Hùng – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Ông Vũ Hồng Tuấn – Thành viên	320.802.400	320.802.400
Ông Nguyễn Xuân Đông – Thành viên	54.000.000	54.000.000
Bà Lê Ngọc Diệp – Thành viên	54.000.000	4.714.286
<i>Cơ quan Tổng Giám đốc</i>		
Những người quản lý khác	2.402.214.317	2.555.779.293
<i>Ban Kiểm soát</i>		
Các thành viên Ban kiểm soát	488.852.909	459.373.798

49. Thông tin so sánh

Ngoại trừ các số liệu được trình bày lại dưới đây, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

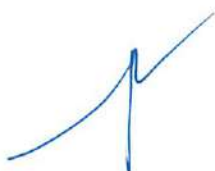
Như đã trình bày trong Thuyết minh số 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 Tập đoàn Dệt May Việt Nam áp dụng Thông tư 99 và thay đổi trên cơ sở phi hồi tố chính sách kế toán đối với một số khoản mục. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, một số thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 đã được phân loại lại. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

Tập đoàn Dệt May Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/04/2026 của Bộ Tài chính)***Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất**

	1/1/2026		1/1/2026	
	(Đã phân loại lại)		(Theo báo cáo trước đây)	
	Mã số	VND	Mã số	VND
Tiền	111	363.672.479.048	111	384.813.563.313
Các khoản tương đương tiền	112	597.692.950.669	112	595.970.041.096
Tài sản ngắn hạn khác	165	21.141.084.265	155	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	3.226.248.415.123	123	3.190.214.146.464
Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	135	2.342.860.000
Phải thu ngắn hạn khác	135	370.131.380.049	136	405.756.798.215
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265	242.859.749.270	255	242.648.649.336
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	254	(153.080.596.061)
Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác dài hạn	264	(30.809.946.725)		-
Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266	(122.270.649.336)		-
Phải trả cổ tức	313	207.462.532.357		-
Phải trả ngắn hạn khác	320	408.406.103.972	319	615.868.636.329
Vốn khác của chủ sở hữu	414	696.173.883.127	414	134.388.890.041
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	422	543.092.845.095
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định		-	432	18.692.147.991

Phê duyệt, ngày 28 tháng 8 năm 2026

Người lập

Nguyễn Thị Nga
Phó Ban Tài chính Kế toán

Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Nguyễn Ngọc Cách
Trưởng Ban Tài chính Kế toán

Người đại diện theo pháp luật

Cao Hữu Hiếu
Tổng Giám đốc

Phụ lục 1

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026
1	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Xuân	100%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
2	Công ty TNHH Một thành viên Dệt kim Đông Phương	100%	100%	163.627.554.636	163.627.554.636	-	-
3	Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	68,34%	68,34%	24.852.076.451	24.852.076.451	17.282.879.453	17.282.879.453
4	Công ty Cổ phần Sợi Phú Bài	60,73%	60,73%	122.656.621.350	122.656.621.350	7.495.524.000	7.495.524.000
5	Công ty Cổ phần Phát Triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối	51,00%	51,00%	109.523.449.251	38.633.449.251	-	-
6	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hoà Thọ	61,87%	61,87%	189.153.465.950	189.153.465.950	-	-
7	Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Dệt May	68,34%	68,34%	26.032.500.000	26.032.500.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt May Huế	60,86%	60,86%	172.033.729.000	172.033.729.000	-	-
9	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	53,67%	53,67%	81.555.023.813	81.555.023.813	-	-
10	Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú	50,10%	50,10%	532.242.925.014	532.242.925.014	-	-
11	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex	100%	100%	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
12	Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Nam - Vinatex	100%	100%	191.301.358.205	191.301.358.205	-	-
13	Công ty Cổ phần Vinatex Phú Hưng	52%	52%	33.800.000.000	33.800.000.000	-	-

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ Tầng Phố Nối đã thực hiện chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt May Việt Nam không thay đổi tại công ty liên kết này.

Phụ lục 2

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo mệnh giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ									
1	Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	47,56%	47,56%	76,88%	76,88%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
2	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	33,52%	33,52%	54,18%	54,18%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
3	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Duy Xuyên	50,56%	50,56%	81,73%	81,73%	8.173.000.000	8.173.000.000	-	-
4	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Xây dựng Hòa Thọ	61,87%	61,87%	100%	100%	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-
5	Công ty Cổ phần Hòa Thọ Thăng Bình	46,08%	46,08%	74,49%	74,49%	74.490.000.000	74.490.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định									
6	Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	28,19%	28,19%	52,52%	52,52%	2.876.479.633	2.876.479.633	-	-
7	Công ty TNHH Một thành viên Chăn Len – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	5.000.000.000	5.000.000.000	-	-
8	Công ty Cổ phần Dệt Khăn Dệt May Nam Định	33,59%	33,59%	62,58%	62,58%	5.632.500.000	5.632.500.000	-	-
9	Công ty TNHH Một thành viên May 2 – Dệt may Nam Định	53,67%	53,67%	100%	100%	8.000.000.000	8.000.000.000	-	-
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú									
10	Công ty Cổ phần Dệt gia dụng Phong Phú	45,09%	45,09%	90%	90%	144.000.000.000	144.000.000.000	-	-
11	Công ty Cổ phần Nam Dương Phú (i)	47,46%	47,27%	96,33%	96,01%	38.800.000.000	38.800.000.000	10.000.000.000	6.000.000.000
Công ty con của Công ty TNHH Tổng Công ty Dệt May Miền Bắc - Vinatex									
12	Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3	100%	100%	100%	100%	128.068.211.370	128.068.211.370	-	-
13	Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội	57,57%	57,57%	57,57%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
14	Công ty Cổ phần Vinatex Hồng Lĩnh	87,75%	87,75%	87,75%	87,75%	70.200.000.000	70.200.000.000	-	-

Phụ lục 3

Các công ty con cấp 3 của Tập đoàn Dệt may Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tổng tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Tỷ lệ sở hữu của công ty mẹ trực tiếp		Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp theo giá gốc khoản đầu tư VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn theo giá gốc khoản đầu tư VND	
		30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026
Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội									
15	Cty Cổ phần Thời trang Hanosimex	37,42%	37,42%	65,00%	65,00%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
16	Công ty Cổ phần Thương mại Hải Phòng Hanosimex	29,40%	29,40%	51,07%	51,07%	5.107.360.406	5.107.360.406	-	-
17	Công ty Cổ phần May Hải Phòng Hanosimex	34,67%	34,67%	60,21%	60,21%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
18	Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex	30,65%	30,65%	53,23%	53,23%	13.039.194.560	13.039.194.560	-	-
19	Công ty Cổ phần Dệt kim Hanosimex	77,19%	77,19%	51,32%	51,32%	19.500.000.000	19.500.000.000	13.274.943.881	13.274.943.881

- (i) Trong năm, Công ty Cổ phần Dệt Gia Dụng Phong Phú – công ty con cấp 2 tiếp tục hoàn thành việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Nam Dương Phú. Do đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn Dệt may Việt Nam trong Công ty Cổ phần Nam Dương Phú tăng từ 47,27% lên 47,46%.

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026
Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam					
1	Tổng Công ty May Nhà Bè – Công ty Cổ phần	25,20%	25,20%	50.400.000.000	50.400.000.000
2	Tổng Công ty Đức Giang – Công ty Cổ phần	35,22%	35,22%	31.692.220.000	31.692.220.000
3	Tổng Công ty May Hưng Yên – Công ty Cổ phần	35,01%	35,01%	68.305.620.000	68.305.620.000
4	Công ty Cổ phần May Bình Minh	25,00%	25,00%	13.230.000.000	13.230.000.000
5	Công ty Cổ phần May Hữu Nghị	29,24%	29,24%	69.533.920.000	69.533.920.000
6	Công ty Cổ phần May Đồng Nai	25,65%	25,65%	28.108.080.000	28.108.080.000
7	Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng	28,64%	28,64%	9.000.000.000	9.000.000.000
8	Công ty Cổ phần May Đáp Cầu	24,04%	24,04%	16.407.300.000	16.407.300.000
9	Công ty Cổ phần May Nam Định (i)	30%	30%	14.995.751.000	13.571.000.000
10	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44%	44%	3.564.000.000	3.564.000.000
11	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	23,46%	610.000.000	610.000.000
12	Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến	30,40%	30,40%	134.059.200.000	134.059.200.000
13	Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	98.550.000.000	98.550.000.000
14	Tổng Công ty May 10 – Công ty Cổ phần	32,21%	32,21%	102.273.980.000	102.273.980.000
15	Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30%	30%	85.443.720.435	85.443.720.435
16	Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương	30,60%	30,60%	95.877.720.000	95.877.720.000
17	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Vinatex	35,10%	35,10%	38.610.000.000	38.610.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công Ty Cổ phần Dệt may Nam Định					
18	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (ii)	26,81%	26,81%	38.009.660.000	31.100.000.000
19	Công ty Cổ phần Dệt – Dệt May Nam Định	24,67%	24,67%	13.791.000.000	13.791.000.000
20	Công ty Cổ phần May IV Dệt Nam Định	13,96%	13,96%	1.950.000.000	1.950.000.000
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ					
21	Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh	12,37%	12,37%	4.000.000.000	4.000.000.000
22	Công ty Cổ phần Hòa Thọ - Quảng Nam	18,94%	18,94%	6.428.000.000	6.428.000.000

Phụ lục 4

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn		Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND	
		30/6/2026	1/1/2026	30/6/2026	1/1/2026
Công ty liên kết của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú					
23	Công ty TNHH Coats Phong Phú	17,86%	17,86%	85.253.638.578	85.253.638.578
24	Công ty Cổ phần đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD Sài Gòn	10,77%	10,77%	10.000.000.000	10.000.000.000
25	Công ty Cổ phần May Đà Lạt	20,04%	20,04%	4.231.000.000	4.231.000.000
26	Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon – Thủ Đức	23.87%	23.87%	125.190.000.000	125.190.000.000
27	Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam	18,03%	18,03%	43.315.720.000	43.315.720.000
28	Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang	11,97%	11,97%	56.143.750.000	56.143.750.000
29	Công ty Cổ phần Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	15,89%	15,89%	6.341.919.708	6.341.919.708